

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2019/HS-ST

Ngày: 05-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

- Ông Huỳnh Văn Bé.

Nghề nghiệp: Giáo viên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 114/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Huỳnh Thanh T, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6, đường số 489, tổ 11, ấp 2, xã P, huyện C, Thành phố H; chỗ ở hiện nay: Số 6, đường số 489, tổ 11, ấp 2, xã Phạm Văn C, huyện C, Thành phố H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh T và bà Đỗ Thị Thùy D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 16/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Cử Chi áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy P, đến ngày 17/5/2018 chấp hành xong;

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 27/4/2019 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn K, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2002 tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã P, huyện C, Thành phố H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 27/4/2019 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện của bị cáo Nguyễn Văn K:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh B.

- *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn K:* Ông Đặng Văn Y - Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Văn Y thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

- *Bị hại:*

+ Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1997 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 70/2, đường số 497, ấp 4, xã P, huyện C, Thành phố H.

+ Bà Trần Thị T, sinh năm: 1960 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 184, đường số 791, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố H.

+ Ông Huỳnh Tuấn T, sinh năm: 1995 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 43B đường K, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố H.

+ Bà Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm: 1981 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 72/1 đường M, phường B, quận B, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Đại D, sinh năm: 1982 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ph, xã P, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thanh T và Nguyễn Văn K quen biết nhau do cùng làm chung tại trại heo ở huyện H, nhà trọ của K cũng ở gần nhà T, do cần tiền tiêu xài nên T và K có bàn bạc với nhau về việc trộm cắp tài sản để bán lấy tiền, trong khoảng thời gian từ cuối tháng 3/2019 đến ngày 23/4/2019, T và K đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các xã P, A, P1 và T. Qua trình báo của các bị hại, cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành điều tra truy xét, bắt tạm giam T và K, T và K khai nhận đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Vụ 1: Khoảng ngày cuối tháng 3/2019, lúc 1 giờ 00 phút K đến nhà T, T điều khiển xe máy loại Wave màu đỏ biển số 51Y5-0769 chở K đến nhà số 70/2, đường 497, ấp 4, xã P, huyện C, quan sát nhà không có ai, T dừng xe cho K đứng ngoài cánh giới, T đi bộ vào trong gốc cây trước nhà lấy trộm 01 xe máy loại Wave biển số 72H4-1695 của gia đình bà Ngô Thị U, xe có sẵn chìa khóa trên xe, trộm xong cả hai tẩu thoát về nhà T cất giấu.

- Vụ 2: Khoảng đầu tháng 4/2019, lúc 1 giờ 00 phút K đến nhà T, T điều khiển xe máy loại Wave biển số 72H4-1695 chở K đến nhà số 184, đường 791, ấp A, xã A, huyện C, khi phát hiện tài sản không có người trông giữ, K đứng ngoài cánh giới, T đi bộ vào trong gốc cây trước nhà lấy trộm 01 xe máy hiệu HONGCHI biển số 51Y2-

8208 của bà Trần Thị T, xe có sẵn chìa khóa trên xe, trộm xong cả hai tẩu thoát về nhà T cất giấu.

- Vụ 3: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 15/4/2019, K đến nhà T, T lấy xe máy loại Wave màu đỏ biển số 51Y5-0769 chở K đến khu vực trước nhà số 43, đường C, ấp P, xã P, huyện C để trộm cắp tài sản. Khi phát hiện tài sản không người trông giữ, T dừng xe để K đứng ngoài canh giới, T đi bộ vào trong phòng khách lấy trộm được 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 70K1-065.50 của ông Huỳnh Tuấn T, trên xe có sẵn chìa khóa nên T đạp xe nổ máy cùng K tẩu thoát về nhà T cất giấu.

- Vụ 4: Khoảng 1 giờ 00 phút ngày 23/4/2019, K đến nhà T, T điều khiển xe máy loại Wave biển số 51Y5-0769 chở K đến khu vực nhà trọ tại ấp 12, xã T, huyện C, T dừng xe trước nhà trọ cùng K vào trong tìm tài sản, phát hiện phòng trọ số 7 có bà Huỳnh Thị Hồng H đang ngủ say, T và K lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7 và 01 xe máy hiệu Honda Click biển số 59Y2-636.71, trong cốp xe có giấy tờ tùy thân của bà H, trộm xong cả hai tẩu thoát về nhà T. Đến 16 giờ 00 cùng ngày, T, K và một người bạn tên P đem xe máy hiệu Honda Click biển số 59Y2-636.71 đến cầm tại tiệm cầm đồ số 68 của ông Trần Đại D thuộc xã P, huyện C được 5.000.000đ (Năm triệu đồng), T chia cho K 1.000.000đ (Một triệu đồng), còn lại T giữ tiêu xài, riêng chiếc điện thoại Oppo A7 Tài cất giữ ở nhà.

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C kết luận tổng giá trị tài sản của 04 vụ trộm cắp nêu trên là 27.800.000đ, cụ thể: 01 xe máy loại Wave màu đỏ biển số 72H4-1695 trị giá 1.200.000đ; 01 xe máy hiệu HONGCHI biển số 51Y2-8208 trị giá 2.800.000đ; 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 70K1-065.50 trị giá 9.000.000đ; 01 xe máy hiệu Honda Click màu đen biển số 59Y2-636.71 trị giá 12.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7 trị giá 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án bị thu giữ gồm: 01 xe máy loại Wave màu đỏ biển số 72H4-1695, số máy: 1P53FMH10427279, số khung: LHYA1103302473 của ông Ngô Văn T; 01 xe máy hiệu HONGCHI biển số 51Y2-8208, số máy: LC152FMH02042465, số khung: S5C640BY576783 của bà Trần Thị T; 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 70K1-065.50, số máy: 5C64576790, số khung: RLHJF18039Y-07 của ông Huỳnh Văn T; 01 xe máy hiệu Honda Click màu đen biển số 59Y2-636.71, số máy: JF18E-0163179, số khung: RLHJF18039Y-076127 của bà Huỳnh Thị Hồng H; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ Ngân hàng Sacombank của bà Huỳnh Thị Hồng H. Tất cả các tài sản trên đã được trả lại cho chủ sở hữu.

Ngoài ra cơ quan cảnh sát điều tra còn thu giữ các vật chứng sau tại nhà T: 01 xe máy loại Wave màu đỏ biển số 51Y5-0769 (biển số màu xanh đen), số máy VTTL1P52FMHN011932, số khung RRKWCHOU5XP-11432; 01 xe máy màu xanh đen đỏ, biển số 51Y2-9866, số máy: VDT1P50FMG-3100916, số khung không rõ; 01 con dao T cán màu vàng dài 20cm; 01 thanh sắt nhọn màu trắng dài 23cm và 01 cái kềm. Tất cả các vật chứng trên được nhập kho tại đội CSTHSHS-HTTP.

Tại bản Cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 02 tháng 7 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị can Huỳnh Thanh T và Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng: Bị cáo và Nguyễn Văn K là bạn bè quen biết khi làm chung, trong quá trình chơi chung, K có rủ bị cáo cùng đi trộm cắp tài sản để kiếm tiền tiêu xài do mức lương làm thuê mỗi tháng không đủ chi tiêu, bị cáo và K đã thực hiện 04 vụ trộm cắp cho đến khi bị bắt.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn K thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng: Do cần tiền để trả tiền nhà trọ và cũng để tiêu xài, bị cáo có rủ Huỳnh Thanh T đi trộm cắp tài sản và cả hai đã thực hiện 04 vụ trộm cắp cho đến khi bị bắt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm g Khoản 1 Điều 52 và Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung:

- + Do bị cáo Huỳnh Thanh T có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Điều 32 và Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- + Đối với bị cáo Nguyễn Văn K là người chưa thành niên phạm tội, không có tài sản riêng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mất, mẹ bỏ đi nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Điều 32 và Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 xử lý vật chứng như sau:

- + 01 chiếc xe máy loại Wave màu đỏ, biển số 51Y5-0769 có màu xanh đen, số máy: VTTL1P52FMHN011932, số khung: RRKWCHOUM5XP-11432, qua điều tra xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định chủ sở hữu chiếc xe có biển số 51Y5-0769 là ông Đặng Văn L, ông L hiện vẫn đang trực tiếp quản lý sử dụng chiếc xe hiệu DAME, màu sơn: nâu, biển số 51Y5-0769, số máy: 01047832-FMG, số khung 047832-H. Như vậy có căn cứ xác định chiếc xe máy loại Wave màu đỏ, biển số 51Y5-0769 có màu xanh đen là biển số giả, số máy: VTTL1P52FMHN011932, số khung: RRKWCHOUM5XP-11432 là xe không rõ nguồn gốc và là phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ 01 chiếc xe máy màu xanh đen đỏ, biển số 51Y2-9866, số máy: VDT1P50FMG-3100916, số khung không rõ, qua điều tra xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định chủ sở hữu chiếc xe có biển số 51Y2-9866 là bà Nguyễn Thị Thanh P, bà P đã mất năm 2018, chiếc xe bà P sở hữu có số máy 10463852-FMH, số khung 007044-PCH0A32W. Như vậy có căn cứ xác định chiếc xe máy màu xanh đen đỏ, biển số 51Y2-9866, số máy: VDT1P50FMG-3100916, số khung không rõ là xe không rõ nguồn gốc nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy biển số 51Y5-0769 màu xanh đen, biển số 51Y2-9866, 01 con dao Thái Lan cán màu vàng dài 20cm, 01 thanh sắt nhọn màu trắng dài 23cm và 01 cái kèm do bị cáo T không có yêu cầu nhận lại.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn K trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” cũng như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tại phiên tòa, do bị cáo còn nhỏ tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hiện gia đình bị cáo đang rất khó khăn, bị cáo cũng đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 và các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa, bị hại là ông Ngô Văn T xin vắng mặt, lời khai của ông T tại cơ quan điều tra thể hiện ông xác định chiếc xe máy loại Wave màu đỏ biển số 72H4-1695, số máy: 1P53FMH10427279, số khung: LHYA1103302473 ông mua của bà Nguyễn Ngọc T vào tháng 8/2017, có làm giấy tay mua bán, ông đã được nhận lại chiếc xe máy nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, bị hại là bà Trần Thị T xin vắng mặt, lời khai của bà T tại cơ quan điều tra thể hiện bà xác định chiếc xe hiệu HONGCHI biển số 51Y2-8208, số máy: LC152FMH02042465, số khung: S5C640BY576783 bà mua của bà Phạm Thị Ngọc L vào năm 2009, có làm giấy tay mua bán, bà đã được nhận lại chiếc xe máy nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, bị hại là ông Huỳnh Tuấn Th xin vắng mặt, lời khai của ông T tại cơ quan điều tra thể hiện ông xác định chiếc xe hiệu Yamaha Sirius biển số 70K1-065.50, số máy: 5C64576790, số khung: RLHJF18039Y-07 do ông là chủ sở hữu, ông đã được nhận lại chiếc xe máy nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, bị hại là bà Huỳnh Thị Hồng H xin vắng mặt, lời khai của bà H tại cơ quan điều tra thể hiện bà xác định chiếc xe hiệu Honda Click màu đen biển số 59Y2-636.71, số máy: JF18E-0163179, số khung: RLHJF18039Y-076127 bà mua của bà Hồ Huyền T vào năm 2018, có làm giấy tay mua bán, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ Ngân hàng Sacombank, bà đã được nhận lại tất cả các tài sản nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đại D xin vắng mặt, lời khai của ông D tại cơ quan điều tra thể hiện khi bị cáo T và K mang chiếc xe máy hiệu Honda Click biển số 59Y2-636.71 đến cầm tại tiệm cầm đồ số 68, do xe có

giấy tờ xe mang tên bà Hồ Huyền T nên ông nhận cầm với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), sau đó ông nghe thông tin Công an xã P, huyện C thông báo chiếc xe trên là tài sản bị mất trộm, ông đã mang xe đến giao nộp cho Công an. Ông không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác.

Bị cáo Huỳnh Thanh T không tranh luận, không tự bào chữa.

Bị cáo Nguyễn Văn K không tranh luận.

Bị cáo Huỳnh Thanh T nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của mình là sai, bị cáo mong Hội đồng xét xử mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Văn K nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của mình là sai, bị cáo mong Hội đồng xét xử mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Huỳnh Thanh T và bị cáo Nguyễn Văn K có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Ngô Văn T, bà Trần Thị T, ông Huỳnh Tuấn T và bà Huỳnh Thị Hồng H với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 27.800.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Bằng hành vi nêu trên các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Văn K là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là sai trái, phạm pháp nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên đi đến hành động phạm tội nhằm thoả mãn động cơ tư lợi của cá nhân bị cáo, do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Huỳnh Thanh T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo vừa mới chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở bắt buộc vào ngày 17/5/2018, chưa hết thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 mà lại phạm tội, do đó Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết này trước khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn K là người rủ bị cáo T cùng thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó Hội đồng xét xử xem xét tình tiết này trước khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, xét tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là có căn cứ.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn K khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Huỳnh Thanh T và bị cáo Nguyễn Văn K có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[6] Về vật chứng vụ án:

-Chiếc xe máy loại Wave màu đỏ biển số 72H4-1695, số máy: 1P53FMH10427279, số khung: LHYA1103302473 do ông Ngô Văn Thanh là chủ sở hữu, ông T mua xe của bà Nguyễn Ngọc T vào tháng 8/2017, có làm giấy tay mua bán, ông T đã được nhận lại chiếc xe máy nêu trên và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

-Chiếc xe máy hiệu HONGCHI biển số 51Y2-8208, số máy: LC152FMH02042465, số khung: S5C640BY576783 do bà Trần Thị T là chủ sở hữu, bà T mua xe của bà Phạm Thị Ngọc L vào năm 2009, có làm giấy tay mua bán, bà T đã được nhận lại chiếc xe máy nêu trên và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

-Chiếc xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 70K1-065.50, số máy: 5C64576790, số khung: RLHJF18039Y-07 do ông Huỳnh Văn T là chủ sở hữu, ông T đã được nhận lại chiếc xe máy nêu trên và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

-Chiếc xe máy hiệu Honda Click màu đen biển số 59Y2-636.71, số máy: JF18E-0163179, số khung: RLHJF18039Y-076127 do bà Huỳnh Thị Hồng H là chủ sở hữu, bà H mua xe của bà Hồ Huyền T vào năm 2018, có làm giấy tay mua bán, ngoài ra còn có 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ Ngân hàng Sacombank của bà H, bà H đã được nhận lại tất cả các tài sản nêu trên và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với chiếc xe máy loại Wave màu đỏ, biển số 51Y5-0769 có màu xanh đen, số máy: VTTL1P52FMHN011932, số khung: RRKWCHOUM5XP-11432, quá trình điều tra xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cơ quan cảnh sát điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe có biển số 51Y5-0769 là ông Đặng Văn L, ông L hiện vẫn đang trực tiếp quản lý sử dụng chiếc xe hiệu DAME, màu sơn: nâu, biển số 51Y5-0769, số máy: 01047832-FMG, số khung 047832-H. Cơ quan cảnh sát điều tra xác định chiếc xe máy loại Wave màu đỏ, biển số 51Y5-0769 có màu xanh đen là biển số giả, số máy: VTTL1P52FMHN011932, số khung: RRKWCHOUM5XP-11432 là xe không rõ nguồn gốc và đã thông báo tìm chủ sở hữu, hết thời hạn thông báo nhưng không tìm được, chiếc xe trên là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử xét tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, riêng biển số 51Y5-0769 màu xanh đen là biển số giả nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe máy màu xanh đen đỏ, biển số 51Y2-9866, số máy: VDT1P50FMG-3100916, số khung không rõ, quá trình điều tra xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cơ quan cảnh sát điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe có biển số 51Y2-9866 là bà Nguyễn Thị Thanh P, bà P đã mất năm 2018, chiếc xe bà P sở hữu có số máy 10463852-FMH, số khung 007044-PCH0A32W. Cơ quan cảnh sát điều tra xác định chiếc xe máy màu xanh đen đỏ, biển số 51Y2-9866, số máy: VDT1P50FMG-3100916, số khung không rõ là xe không rõ nguồn gốc và đã thông báo tìm chủ sở hữu, hết thời hạn thông báo nhưng không tìm được nên Hội đồng xét xử xét tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước, riêng biển số 51Y2-9866 là biển số giả nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 con dao Thái Lan cán màu vàng dài 20cm, 01 thanh sắt nhọn màu trắng dài 23cm và 01 cái kèm, đây là tài sản của bị cáo Tài, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội, lẽ ra cần giao trả lại cho bị cáo nhưng tại phiên tòa, bị cáo không yêu cầu nhận lại, các vật chứng nêu trên có giá trị sử dụng còn lại không lớn nên Hội đồng xét xử xét tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đại D là người nhận cầm chiếc xe Honda Click biển số 59Y2-636.71 của bà Huỳnh Thị Hồng H, quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự do ông D không biết chiếc xe nêu trên là tài sản do bị cáo T và bị cáo K trộm cắp nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Đối với người thanh niên tên P không rõ lai lịch là người cùng mang chiếc xe Honda Click biển số 59Y2-636.71 của bà Huỳnh Thị Hồng H đến tiệm cầm đồ, cả hai

bị cáo T và K đều xác định P là bạn ngoài xã hội của các bị cáo, P không biết chiếc xe máy nêu trên là tài sản trộm cắp, cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Thanh T và bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh T và bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm g Khoản 1 Điều 52 và Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2019.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K mức án 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2019.

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe máy loại Wave màu đỏ, , số máy: VTTL1P52FMHN011932, số khung: RRKWCHOUM5XP-11432 và 01 chiếc xe máy màu xanh đen đỏ, số máy: VDT1P50FMG-3100916, số khung không rõ.

+ Tịch thu tiêu hủy biển số 51Y5-0769 màu xanh đen, biển số 51Y2-9866, 01 con dao Thái Lan cán màu vàng dài 20cm, 01 thanh sắt nhọn màu trắng dài 23cm và 01 cái kềm.

Các vật chứng nêu trên được liệt kê tại Lệnh nhập kho vật chứng số 153/LNK và Phiếu nhập kho vật chứng số 153/PNK của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi.

- Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Huỳnh Thanh T và bị cáo Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bào chữa của bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**